

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1697...../GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 11 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư, nhà ở của cán bộ công nhân và chuyên gia của Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh.

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh tại Văn bản số 23/CV-XMFCTN ngày 03 tháng 04 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 59/CV-XMFCTN ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Khu dân cư, nhà ở cán bộ công nhân viên và chuyên gia, giai đoạn 1, địa chỉ ấp Cây Cây, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 519a./TTr-STNMT ngày 26 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh, địa chỉ số 433, đại lộ 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động môi trường của Khu dân cư, nhà ở cán bộ công nhân viên và chuyên gia, giai đoạn 1, địa chỉ ấp Cây Cây, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên Cơ sở: Khu dân cư, nhà ở cán bộ công nhân viên và chuyên gia.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Cây Cây, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Quyết định số 653/2006/QĐ-UBND ngày 24/7/2006 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu dân cư, nhà ở cán bộ công nhân viên và chuyên gia.

1.4. Mã số thuế: 3900365922

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu dân cư, nhà ở

1.6. Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích đất thực hiện: 145.995,84 m².

- Quy mô: dân số khoảng 192 người.

- Thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Hoà; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu dân cư, nhà ở cán bộ công nhân viên và chuyên gia, giai đoạn 1 được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: *llly*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hoà;
- Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1697/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt và nấu ăn phát sinh từ mỗi nhà ở (58 nhà ở) với lưu lượng lớn nhất là 24 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 2: nước thải phát sinh từ nhà khách sử dụng chung với lưu lượng lớn nhất là 2,5 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 3: nước thải phát sinh từ căn tin sử dụng chung với lưu lượng lớn nhất là 6,25 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 4: nước thải phát sinh từ nhà bảo vệ chung với lưu lượng lớn nhất là 0,2 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 5: nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh sử dụng chung với lưu lượng lớn nhất là 2,5 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Có (một) 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K=1 xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Một thuộc hệ thống sông Sài Gòn, ấp Cây Cày, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Điểm xả nước thải: hồ gas thoát nước thải (điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác, lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: sau hệ thống xử lý nước thải: X = 598 864; Y = 1286 211; tại điểm tiếp nhận nước thải tại suối Một: X = 598 767; Y = 1286 222.

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 35,45 m³/ngày.đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục khi hệ thống xử lý vận hành.

2.4.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1, cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/L	50	
3	TDS	mg/L	500	
4	BOD ₅	mg/L	30	
5	Sunfua	mg/L	1	
6	Amoni	mg/L	5	
7	Nitrat	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	
10	Phosphat	mg/L	6	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt và nấu ăn phát sinh từ mỗi nhà ở với lưu lượng lớn nhất là 24 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 60 bể tự hoại, mỗi bể có thể tích 3 m³). Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống cống ngầm có đường kính Ø200 - Ø300 rồi chảy ra hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép có đường kính Ø400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ nhà khách chung với lưu lượng lớn nhất là 2,5 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 1 bể tự hoại, thể tích 3 m³). Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống cống ngầm có đường kính Ø200 - Ø300 rồi chảy ra hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép có đường kính Ø400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ căn tin chung với lưu lượng lớn nhất là 6,25 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 2 bể tự hoại, mỗi bể thể tích 3 m³). Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống cống ngầm có đường kính Ø200 - Ø300 rồi chảy ra hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép có đường kính Ø400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ nhà bảo vệ chung với lưu lượng lớn nhất là 0,2 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 1 bể tự hoại, thể tích 3 m³). Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống cống ngầm có đường kính Ø200 - Ø300 rồi chảy ra hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép có đường kính Ø400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh chung với lưu lượng lớn nhất là 2,5 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (có 1 bể tự hoại, thể tích 3 m³). Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống cống ngầm có đường kính Ø200 - Ø300 rồi chảy ra hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép có đường kính Ø400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu dân cư, nhà ở có công suất xử lý 150 m³/ngày.đêm, nước thải sau hệ thống xử lý theo đường cống hộp bê tông kích thước 1,4 m x 1,4 m, dài khoảng 200 m đặt ngầm cách mặt đất 0,5 m, chảy ra Suối Một thuộc hệ thống sông Sài Gòn, ấp Cây Cày, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải tại nhà khách, căn tin, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh chung và sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → bể thu gom → bể lắng và điều hòa → bể sinh học hiếu khí 1 → bể sinh học hiếu khí 2 → bể khử trùng.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clo, PAC, polimer.

1.2.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Bể thu gom	- Kích thước : 01 m x 2,5 m x 3 m - V = 7,5 m ³ - Vật liệu: bê tông cốt thép	01	Bê
2		- Kích thước : 1,8 m x 2,5m x3 m	02	Bê

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
	Bể lắng+ điều hòa	- V = 13,5 m ³ -Vật liệu: bê tông cốt thép		
		- Kích thước : 1,9 m x 2,5m x 3m - V = 14,25 m ³ -Vật liệu: BTCT	01	BỂ
3	Bể sinh học hiếu khí 1	- Kích thước : 4,075m x 2,4m x 3m - V = 29,34 m ³ -Vật liệu: bê tông cốt thép	02	BỂ
4	Bể sinh học hiếu khí 2	- Kích thước: 4,075m x 2,4m x 3m - V = 29,34 m ³ -Vật liệu: bê tông cốt thép	02	BỂ
5	Bể khử trùng	- Kích thước: 2,5 m x 0,8 m x 3 m - V = 06 m ³ -Vật liệu: bê tông cốt thép	01	BỂ
7	Nhà điều hành	- Kích thước: 3 m x 2 m - V = 06 m ³ - Vật liệu: Mái tôn, tường gạch, nền gạch	01	Nhà

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị và các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Tổ chức thu gom và xử lý bùn thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả vào Suối Một.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1627... /GPMT-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không phát sinh khí thải cần cấp phép.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI:**

1. Bố trí bãi đậu xe hợp lý, khoa học, lắp đặt các biển báo hạn chế tốc độ, xây gờ giảm tốc,...trên các tuyến đường giao thông.
2. Trồng cây xanh đảm bảo diện tích đúng quy định.
3. Thường xuyên vệ sinh tuyến đường giao thông.
4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1697~~/GPMT-UBND
ngày 11. tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: X = 1266 453; Y = 547 852;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1697/GPMT-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Ắc quy chì thải	Rắn	3	19 06 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	7	08 02 04
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	10	18 01 03
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác	Rắn	10	18 01 04
Tổng khối lượng			40	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác sinh hoạt	96
TỔNG CỘNG		96

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 06 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: có tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền bê tông trát xi măng có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên

ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Công ty phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Khu dân cư, nhà ở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Khu dân cư, nhà ở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **16.037** /GPMT-UBND ngày **11** tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt được xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Khu dân cư, nhà ở sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Khu dân cư, nhà ở theo đúng quy định.

5. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

6. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Khu dân cư, nhà ở theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.



7. Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Khu dân cư, nhà ở đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đầy đủ quy định khoảng cách vị trí trạm xử lý nước thải tập trung đến các đối tượng xung quanh theo quy định tại Mục 2.11 QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng./,